

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Ông Lê Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 425/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị N, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ H, Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Hoài S sinh năm 1998; địa chỉ: số G Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, bản khai ngày 22/11/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Nguyễn Hoài S tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 14/5/2020. Kết hôn xong cuộc

sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian dài, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác nhưng giữa chị và anh Nguyễn Hoài S không hàn gắn được, chị và anh Nguyễn Hoài S đã không còn sống chung với nhau, hai bên không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Nguyễn Hoài S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoài S. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Hoài S cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hoài S có 01 con chung là Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/3/2019, con chung hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài S vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N: Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh S. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/3/2019. Anh S được thăm nom, chăm sóc cháu T không ai được ngăn cản. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi

con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Hoài S đăng ký thường trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoài S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Lâm Thị N cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Nguyễn Hoài S có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm.

Đối với anh Nguyễn Hoài S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Nguyễn Hoài S không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lâm Thị N. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S, qua đó cho thấy lời trình bày của chị Lâm Thị N về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Nguyễn Hoài S. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Lâm Thị N không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Hoài S nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/3/2019. Cháu Nguyễn Hoài T hiện đang sống chung với chị Lâm Thị N và chị Lâm Thị N yêu cầu được trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thấy rằng, từ khi chị Lâm Thị N và anh Nguyễn Hoài S không còn sống chung thì chị Lâm Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoài T. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hoài S không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Lâm Thị N. Xét thấy, chị Lâm Thị N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Nguyễn Hoài T để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung là cháu Nguyễn Hoài T cho chị Lâm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Chị Lâm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Hoài S cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Lâm Thị N trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Hoài S không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Lâm Thị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Hoài S không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Lâm Thị N phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị N đối với anh Nguyễn Hoài S. Chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoài S.

Chị Lâm Thị N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 02/3/2019 cho chị Lâm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoài S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lâm Thị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Lâm Thị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoài S không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lâm Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoài S không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005939 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND thị trấn T;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú

